

Bản án số: 317/2023/DS-ST
Ngày 11-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Duyên Văn Hiền**
2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng N.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V**, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: **Ngân hàng N Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau.**

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quang T**, Chức vụ: Giám đốc.

Phụ trách điều hành: Ông **Nguyễn Văn T1**, Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp A Chi nhánh tỉnh C.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Châu Đông D** (Có mặt) – Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Kinh doanh (A).

2. Bị đơn: Anh **Hà Thanh L**, sinh năm 1977 (Vắng mặt), trú: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn **Ngân hàng N1** trình bày:

Giữa, nguyên đơn và anh Hà Thanh L có ký kết Hợp đồng tín dụng số 7504-LAV-201904249/HĐTD ngày 18/9/2019, theo đó:

Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng.

Mức dư nợ cao nhất: 200.000.000 đồng.

Số tiền vay cụ thể được tính cho từng lần nhận nợ và được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ theo hợp đồng tín dụng.

Mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi.

Mức lãi suất: Được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ từng lần.

Thời hạn của hạn mức tín dụng: 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

Ngày nhận tiền vay lần là: Cụ thể trên giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả nợ thực hiện theo phụ lục kèm theo hoặc theo từng giấy nhận nợ.

Giấy nhận nợ ngày 08/12/2020 số tiền 90.000.000 đồng.

Tính đến ngày 10/4/2023 tổng dư nợ gốc của anh L là:

Gốc: 90.000.000 đồng.

Nợ lãi: 23.031.822 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nhưng anh L không thực hiện.

Như vậy, anh L đã vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền vay tính đến hết ngày 10/4/2023 số tiền 113.031.822 đồng.

Anh L còn phải trả lãi cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng sau ngày 10/4/2023 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Trường hợp, anh L không thực hiện trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản của anh L để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu số tiền từ việc xử lý bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh L để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn anh **Hà Thanh L**: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn Ngân hàng N Chi nhánh huyện T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Hà Thanh L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét: Để chứng minh việc anh L có vay vốn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là:

Hợp đồng tín dụng số 7504-LAV-201904249/HĐTD ngày 18/9/2019.

Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 08/12/2020.

Đều có chữ ký của anh L ở mục bên vay và các giấy tờ khác có liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L biết nhưng anh L không có ý kiến phản đối gì.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, nên cần khẳng định anh L đã vay và nhận đủ tiền của nguyên đơn.

Tính đến ngày 10/4/2023, nợ gốc và lãi của anh L là 113.031.822 đồng.

Việc, anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 7504-LAV-201904249/HĐTD ngày 18/9/2019 mà các bên đã ký kết, anh L có lỗi, vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ và buộc anh L phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi tổng số tiền 113.031.822 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cần được chấp nhận.

Anh L còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng từ ngày 10/4/2023 đến khi anh L trả xong số nợ gốc là có cơ sở.

Đối với, yêu cầu của nguyên đơn về việc trường hợp anh L không thực hiện trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản của anh L để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nếu số tiền từ việc xử lý bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh L để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ở vụ án này đôi bên chỉ xác lập hợp đồng tín dụng, không có tài sản bảo đảm, nên yêu cầu của Ngân hàng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Khi án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản nếu có của anh L để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có trách nhiệm giao trả cho anh L bản gốc Giấy chứng nhận đứng tên Hà Văn T2 do UBND huyện T cấp ngày 02/11/1991.

[3] Về án phí:

Buộc anh L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 5.651.591 đồng (113.031.822 đồng x 5%).

Nguyên đơn được nhận lại án phí số tiền 2.826.000 đồng tại lai 7024 ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các điều 280, 463; khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các điều 91, 95, 108 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn anh Hà Thanh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N (A) tính đến ngày 10/4/2023 với số tiền là 113.031.822 đồng (Một trăm mười ba triệu không trăm ba mươi một ngàn tám trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 10/4/2023, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

Sau khi anh Hà Thanh L đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng có trách nhiệm giao trả cho anh L bản gốc Giấy chứng nhận đứng tên Hà Văn T2 do UBND huyện T cấp ngày 02/11/1991.

2/ Về án phí:

Buộc anh Hà Thanh L phải nộp án phí dân sự số tiền 5.651.591 đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi một ngàn năm trăm chín mươi một đồng).

Ngân hàng N được nhận lại án phí số tiền 2.826.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng) tại lai 7024 ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Hà Thanh L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang